



CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH MINH PHÁP

151 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38453169 – 38453249

Fax: 028.38453363

TB số: 548/26/TB-ĐG

TP.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

(Theo thủ tục rút gọn)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
- Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024;
- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 63/26/HĐ-DVĐG ngày 23/03/2026 và Hợp đồng sửa đổi lần thứ tư ngày 25/05/2026 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 5 và Công ty Đầu giá Hợp danh Minh Pháp.

Công ty Đầu giá Hợp danh Minh Pháp tổ chức đấu giá tài sản sau:

1. Người có tài sản và tổ chức hành nghề đấu giá:

- Người có tài sản đấu giá: **NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH 5 (AGRIBANK CHI NHÁNH 5)**
- Địa chỉ: 1101-1103-1105 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, TP.HCM.
- Tổ chức hành nghề đấu giá: **CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH MINH PHÁP**
- Địa chỉ: 151 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tài sản đấu giá, thông tin của tài sản đấu giá:

2.1. Tài sản đấu giá: Toàn bộ giá trị 13 khoản nợ của các Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hợp Phát, Công ty TNHH Phát triển Hạ Tầng Trường Sơn, Công ty TNHH Phát triển Simply Living, Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn, Công ty TNHH Đức Lợi, Công ty TNHH VINSON GROUP, Công ty TNHH EVA DE EVA, Công ty TNHH Dịch vụ Sản xuất Xây dựng Xuất nhập khẩu Nguyễn Anh, Công ty TNHH Tập Đoàn Janus Holding, Công ty TNHH Kiến Tạo Nhà Xanh, Công ty TNHH Tư Vấn Thương Mại Đầu Tư Phát Triển Hưng Phát, Công ty TNHH Đầu Tư SNS, Công ty TNHH Honor Shine Global tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 5, bao gồm toàn bộ dư nợ gốc, dư nợ lãi, lãi phạt phát sinh đến thời điểm thực hiện giao dịch mua bán nợ (sau đây được gọi tắt là “Khoản Nợ”).

2.2. Đặc điểm tài sản:

2.2.1. Thông tin Khoản Nợ:

a) Thông tin bên nợ và giá trị khoản nợ

* Khoản nợ thứ 1: **CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ PT HỢP PHÁT (Tên cũ: Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hợp Phát)**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304533345 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/6/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/01/2024.

- Địa chỉ: 634 Bis Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, TP. HCM (nay là phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người đại diện: Ông Nguyễn Phong Điền

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-201500517 ngày 21/8/2015, 6222-LAV-201500867 ngày 22/12/2015, 6222-LAV-202100800 ngày 29/12/2021, 6222-LAV-202100802 ngày 30/6/2021 và 6222-LAV-202200482 ngày

29/6/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hợp Phát:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 124.415.778.544 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc: 98.916.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 25.499.778.544 đồng.

*** Khoản nợ thứ 2: Khoản nợ của Công ty TNHH Phát triển Hạ Tầng Trường Sơn.**

- Giấy Đăng ký Doanh nghiệp: 0309890291, đăng ký lần đầu ngày 02/04/2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04/03/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TpHCM cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: 693/A2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TPHCM. (Nay là: 693/A2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Quới, TpHCM).

- Người đại diện: Ông Đỗ Giang Sơn Chức vụ: Giám đốc.

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200408 ngày 01/6/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Phát triển Hạ Tầng Trường Sơn:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 123.608.867.122 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc: 99.930.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 23.678.867.122 đồng.

*** Khoản nợ thứ 3: Khoản nợ của Công ty TNHH Phát triển Simply Living.**

- Mã số doanh nghiệp: 0314165676 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Tp.HCM cấp.

- Địa chỉ: số 82/18A Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. (Nay là: 82/18A Bình Quới, Phường Bình Quới, TpHCM).

- Người đại diện: Bà Mai Huỳnh Anh Thư Chức vụ: Giám Đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200434 ngày 09/6/2022, 6222-LAV-202200449 ngày 15/6/2022, 6222-LAV-202200467 ngày 24/6/2022 và 6222-LAV-202200476 ngày 27/6/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Phát triển Simply Living:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 124.809.379.999 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc: 99.910.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 24.899.379.999 đồng.

*** Khoản nợ thứ 4: Khoản nợ của Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0313103892, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/12/2021; Đăng ký lần đầu ngày 21/01/2015.

- Địa chỉ: 352/17/16 Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TPHCM (Nay là 352/17/16 Bình Quới, phường Bình Quới, TP.HCM).

- Người đại diện: Ông Hồng Minh Kim Chức vụ: Giám Đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100769 ngày 23/12/2021, 6222-LAV-202100772 ngày 24/12/2021, 6222-LAV-202200253 ngày 13/4/2022, 6222-LAV-202200260 ngày 14/4/2022, 6222-LAV-202200493 ngày 30/6/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 102.249.180.027 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc: 80.813.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 21.436.180.027 đồng.

*** Khoản nợ thứ 5: Khoản nợ của Công ty TNHH Đức Lợi.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302482286, đăng ký lần đầu ngày 11/12/2001, thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2025 do Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: Số 276 Bình Quới, Phường Bình Quới, TP. HCM.

- Người đại diện: Ông Trần Văn Nam. Chức vụ: Giám Đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200402 ngày 31/5/2022

giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 27.421.596.986 đồng, trong đó:

+ Dư nợ gốc: 21.830.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 5.591.596.986 đồng.

⇒ **Tổng cộng giá trị ghi sổ của 05 khoản nợ (từ khoản nợ số 01 đến khoản nợ số 5) đến hết ngày 30/01/2026 là: 502.504.802.678 đồng, trong đó:**

+ **Dư nợ gốc : 401.399.000.000 đồng.**

+ **Nợ lãi : 101.105.802.678 đồng.**

Lưu ý : Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 30/01/2026 cho đến khi Công ty TNHH ĐT XD và PT Hợp Phát, Công ty TNHH PT Hạ Tầng Trường Sơn, Công ty TNHH PT Simply Living, Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn và Công ty TNHH Đức Lợi thanh toán hết nợ gốc tại Agribank Chi nhánh 5.

*** Khoản nợ thứ 6: Khoản nợ của Công ty TNHH VINSON GROUP (Tên cũ : Công ty Cổ phần VINSON GROUP).**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0314006122, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/01/2023; Đăng ký lần đầu ngày 12/9/2016.

- Địa chỉ: 187/7 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM (nay là 187/7 Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, TP.HCM).

- Người đại diện: Ông Bùi Xuân Trung Chức vụ: Giám Đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100289 ngày 27/4/2021 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH VINSON GROUP:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 60.114.208.906 đồng, trong đó:

+ Dư nợ gốc: 44.950.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 15.164.208.906 đồng.

*** Khoản nợ thứ 7: Khoản nợ của Công ty TNHH EVA DE EVA.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0316252772** do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/4/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/09/2025.

- Địa chỉ: 4 Bis Cách mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM (nay là phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người đại diện: Ông Nguyễn Lê Khánh An Chức vụ: Giám đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100698 ngày 01/12/2021, 6222-LAV-202100702 ngày 02/12/2021 và 6222-LAV-202100704 ngày 03/12/2021 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH EVA DE EVA:

- Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 30/01/2026 là: 72.059.470.888 đồng, trong đó:

+ Dư nợ gốc: 56.450.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 15.609.470.888 đồng.

*** Khoản nợ thứ 8: Khoản nợ của Công ty TNHH Dịch vụ Sản xuất Xây dựng Xuất nhập khẩu Nguyễn Anh**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2011, đăng ký lần thay đổi lần 10 ngày 20/7/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp.

- Địa chỉ trụ sở: số 352/17/16 Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TPHCM (nay là số 352/17/16 Bình Quới, Phường Bình Quới, TPHCM).

- Người đại diện: Ông Trần Thanh Bi Chức vụ: Giám đốc

Giá trị khoản nợ: theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100617 ngày 28/10/2021, 6222-LAV-202100620 ngày 29/10/2021 giữa Agribank Chi nhánh 5 với CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT XÂY DỰNG XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN ANH.

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 44.180.449.314 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc : 33.700.000.000 đồng.
- + Nợ lãi : 10.480.449.314 đồng.

*** Khoản nợ thứ 9: Khoản nợ của Công ty TNHH Tập Đoàn Janus Holding**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0312571922, đăng ký lần đầu ngày 03/12/2013, đăng ký lần thay đổi lần 23 ngày 02/08/2022, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp.

Địa chỉ trụ sở: Số 4 đường số 9, Cityland Park Hills, Phường 10, Quận Gò Vấp, TPHCM (nay là Số 4 đường số 9, Cityland Park Hills, Phường Gò Vấp, TPHCM)

Người đại diện: Ông Nguyễn Hùng Hoàng Chức vụ: Tổng giám đốc

Giá trị khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200411 ngày 03/6/2022, 6222-LAV-202200415 ngày 06/06/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Tập Đoàn Janus Holding.

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 51.449.087.672 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc : 40.630.000.000 đồng.
- + Nợ lãi : 10.819.087.672 đồng.

*** Khoản nợ thứ 10: Khoản nợ của Công ty TNHH Kiến Tạo Nhà Xanh**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0311376534 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp lần đầu ngày 29/11/2011.

Địa chỉ: số 352/17/7 Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. (Nay là: 352/17/7 Bình Quới, Phường Bình Quới, TpHCM).

Người đại diện: Ông Trần Đức Huy Chức vụ: Giám đốc

Giá trị khoản nợ: theo các hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100111 ngày 04/02/2021, Hợp đồng tín dụng số 6222LAV202200483 ngày 29/06/2022, Hợp đồng tín dụng số 6222LAV202200491 ngày 30/06/2022, giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Kiến Tạo Nhà Xanh.

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 125.342.569.315 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc : 99.860.000.000 đồng.
- + Nợ lãi : 25.482.569.315 đồng

*** Khoản nợ thứ 11: Công ty của TNHH Tư Vấn Thương Mại Đầu Tư Phát Triển Hưng Phát**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0313240271, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2022; Đăng ký lần đầu ngày 06/5/2015.

Địa chỉ trụ sở: 297 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TPHCM.

Đại diện: Ông Trần Thế An, Chức vụ: Giám đốc

Giá trị khoản nợ: theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200376 ngày 20/5/2022, 6222-LAV-202200379 ngày 23/5/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Tư Vấn Thương Mại Đầu Tư Phát Triển Hưng Phát.

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 62.803.424.656 đồng, trong đó:
- + Dư nợ gốc : 50.000.000.000 đồng.
- + Nợ lãi : 12.803.424.656 đồng

*** Khoản nợ thứ 12: Công ty của TNHH Đầu Tư SNS**

Giấy ĐKDN: 0313747720 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp, đăng kí lần đầu ngày 09/04/2016.

Địa chỉ: số 2893 Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp Hồ Chí Minh. (Nay là: 2893 Quốc lộ 1A, Phường Đông Hưng Thuận, TpHCM).

Người đại diện theo pháp luật (thời điểm gần nhất): ông Khương Hữu Tín – Giám đốc.

Giá trị khoản nợ: theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200469 ký ngày 27/06/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Đầu Tư SNS

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 74.904.209.589 đồng, trong đó:

+ Dư nợ gốc : 59.950.000.000 đồng.

+ Nợ lãi : 14.954.209.589 đồng

*** Khoản nợ thứ 13: Công ty của TNHH Honor Shine Global**

Giấy ĐKDN: 0314849852 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp.

Địa chỉ: 92-94-96-98-100/2, Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là: 92-94-96-98-100/2, Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TpHCM).

Người đại diện theo pháp luật (thời điểm gần nhất): ông Tăng Tiến Dũng - Giám đốc.

Giá trị khoản nợ: theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200541 ký ngày 28/7/2022 và 6222LAV202200546 ký ngày 02/8/2022 giữa Agribank Chi nhánh 5 với Công ty TNHH Honor Shine Global.

- Giá trị ghi sổ khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 61.815.168.492 đồng, trong đó:

+ Dư nợ gốc : 49.950.000.000 đồng.

+ Nợ lãi : 11.865.168.492 đồng.

⇒ **Tổng cộng giá trị ghi sổ của 08 khoản nợ (từ khoản nợ số 06 đến khoản nợ số 13) đến hết ngày 30/01/2026 là: 552.668.588.832 đồng, trong đó:**

+ Dư nợ gốc : 435.490.000.000 đồng.

+ Nợ lãi : 117.178.588.832 đồng

Lưu ý : Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 30/01/2026 cho đến khi Công ty TNHH VINSON GROUP, Công ty TNHH EVA DE EVA , Công Ty TNHH Dịch Vụ Sản Xuất Xây Dựng Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Anh, Công Ty TNHH Tập Doan Janus Holding, Công Ty TNHH Kiến Tạo Nhà Xanh, Công Ty TNHH Đầu Tư SNS, Công Ty TNHH Tư Vấn Thương Mại Đầu Tư Phát Triển Hưng Phát và CÔNG TY TNHH HONOR SHINE GLOBAL thanh toán hết nợ gốc tại Agribank Chi nhánh 5.

⇒ **Tổng cộng giá trị ghi sổ của 13 khoản nợ đến hết ngày 30/01/2026 là: 1.055.173.391.510 đồng, trong đó:**

+ Dư nợ gốc : 836.889.000.000 đồng.

+ Nợ lãi : 218.284.391.510 đồng.

b) Biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của bên nợ đối với Khoản Nợ:

• Thông tin về tài sản bảo đảm của các khoản nợ đầu giá (Khoản nợ 1,2,3,4,5)

TT	Tên tài sản	Giấy tờ về tài sản	Đặc điểm kỹ thuật
1	Quyền sử dụng đất thừa đất số 923-1, tờ bản đồ số 4 Hộ 9 Chợ Lớn – Lò Gốm tại Phường 8, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Tiên, thành phố Hồ Chí Minh)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 994686, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00060/1a QSDĐ/8921/UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2001	<u>Thửa đất:</u> -Thửa đất số: 923-1, tờ bản đồ số: 4 Hộ 9 Chợ Lớn – Lò Gốm - Địa chỉ : đường Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh (Nay là phường Bình Tiên, thành phố Hồ Chí Minh) - Diện tích: 6.989 m2 (Bằng chữ : Sáu nghìn chín trăm tám mươi chín mét vuông) - Mục đích sử dụng : Xưởng sản xuất các loại thực phẩm ăn liền và bao bì giấy - Thời hạn sử dụng : Kể từ ngày 27/3/1999 đến hết ngày 01/01/2046 - Hình thức sử dụng : cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê.

TT	Tên tài sản	Giấy tờ về tài sản	Đặc điểm kỹ thuật
2	Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 634 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Tp.HCM (nay là phường Bình Tiên, thành phố Hồ Chí Minh)	Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số 3032/2000 do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2000, đăng ký thay đổi lần cuối ngày 29/6/2016. - Hợp đồng góp vốn bằng Quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Hoàng Xuân chứng nhận ngày 25/5/2016 theo số công chứng 015654 Quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD	<u>Thửa đất:</u> - Địa chỉ: số 634 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Tp.HCM (Nay là phường Bình Tiên, thành phố Hồ Chí Minh) - Thửa đất số: 7; - Tờ bản đồ số : 42 (BĐĐC-2001) P8/Q6 - Diện tích: 257,49 m ² , (<i>Bằng chữ: hai trăm năm mươi bảy phẩy bốn mươi chín mét vuông</i>). - Hình thức sử dụng: - Sử dụng riêng: 257,49 m ² ; - Sử dụng chung: -/ - m ² <u>Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở</u> - Địa chỉ: số 634 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Tp.HCM (Nay là phường Bình Tiên, thành phố Hồ Chí Minh) - Tổng diện tích sử dụng: 57,85 m ² - Diện tích xây dựng: 63,69 m ² - Kết cấu: tường gạch, mái tole - Số tầng : 1

• Thông tin về tài sản bảo đảm của các khoản nợ đấu giá (Khoản nợ 6,7,8,9,10,11,12,13)

*** Tài sản bảo đảm thứ nhất:**

- Tài sản bảo đảm của các khoản nợ nêu trên: Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 582686, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT09505 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/3/2024. (Thay thế cho Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 222725, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT08682 do UBND Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/4/2020, chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất ngày 11/5/2020). Theo hợp đồng thế chấp tài sản số:

- + 6222-LCP-202100259 ngày 27/4/2021
- + 6222-LCP-202000212 ngày 25/5/2020
- + 6222-LCP-202000225 ngày 04/6/2020
- + 6222-LCP-202000229 ngày 09/6/2020
- + 6222-LCP-202100096 ngày 04/02/2021
- + 6222-LCP-202200230 ngày 27/06/2022
- + 6222-LCP-202000200/201 ký ngày 19/5/2020
- + 6222-LCP- 202200283 ký ngày 28/07/ 2022

(và các HĐTC sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có))

- Tài sản thế chấp: đầy đủ tính pháp lý.

• **Quyền sử dụng đất:**

- Thửa đất số: 154;
- Tờ bản đồ số: 5;
- Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 1, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang (Nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp);
- Diện tích: 5.804,9 m² (*Bằng chữ: Năm nghìn tám trăm lẻ bốn phẩy chín mét vuông*);
- Hình thức sử dụng : Sử dụng riêng ;
- Mục đích sử dụng : Đất thương mại, dịch vụ;

- Thời gian sử dụng : Đến ngày 19/02/2059;
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.
- **Tài sản gắn liền với đất : Trung tâm Thương mại Mỹ Tho**
- Hạng mục công trình: Trung tâm Thương mại Mỹ Tho;
- Diện tích xây dựng : 3.288,8 m²;
- Diện tích sàn : 17.957,2 m² ;
- Hình thức sở hữu : Sở hữu riêng ;
- Cấp công trình : Cấp 2;
- Thời hạn sở hữu : -/-

• **Các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản để bảo lãnh của Bên B bao gồm:**

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **DM 582686**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT09505 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/3/2024. (Thay thế cho Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CV 222725**, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT08682 do UBND Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/4/2020, chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất ngày 11/5/2020).

* **Tài sản thứ 2: Tài sản thứ 2 chỉ đảm bảo cho khoản nợ của CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SNS (khoản nợ 12) theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200469 ký ngày 27/06/2022 và khoản nợ của Công Ty TNHH Honor Shine Global (khoản nợ 13) theo hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200541 ký ngày 28/7/2022 và 6222LAV202200546 ký ngày 02/8/2023 theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau đây:**

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202300310-311 ký ngày 16/08/2023 và các HĐTC sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có)

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202500278-279 ký ngày 22/10/2025 và các HĐTC sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có)

- Tài sản thế chấp: đầy đủ tính pháp lý.

- Chi tiết về tài sản thứ 2: bao gồm 7 thửa đất tại KDC Tân Thái Thịnh – Cần Giuộc – Long An (nay là xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh) thuộc sở hữu của Công Ty CP ĐT TM DV Tân Thái Thịnh.

TT	Giấy tờ về tài sản	Chi tiết tài sản
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 005435 Số vào sổ cấp GCN: CT 52022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 24/09/2019.	<p>* Thửa đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thửa đất số: 533 - Tờ bản đồ số: 4 - Địa chỉ thửa đất: Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An (nay là xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh) - Diện tích: 724 m² (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi bốn mét vuông). - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ - Thời hạn sử dụng: 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. <p>* Tài sản gắn liền với đất: -/-</p>
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850363 Số	<p>* Thửa đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thửa đất số: 529 - Tờ bản đồ số: 4 - Địa chỉ thửa đất: Xã Long Hậu, Huyện Cần

	vào sổ cấp GCN: CT 50509 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019.	Giuộc, Tỉnh Long An (nay là xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh) - Diện tích: 2492,5 m ² (Bằng chữ: Hai ngàn bốn trăm chín mươi hai phẩy năm mét vuông). - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ - Thời hạn sử dụng: 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. * <u>Tài sản gắn liền với đất:</u> -/-
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850361 Số vào sổ cấp GCN: CT 50511 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019.	* <u>Thừa đất:</u> - Thừa đất số: 630 - Tờ bản đồ số: 4 - Địa chỉ thừa đất: Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An (nay là xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh) - Diện tích: 504 m ² (Bằng chữ: Năm trăm lẻ bốn mét vuông). - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao - Thời hạn sử dụng: 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. * <u>Tài sản gắn liền với đất:</u> -/-
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850362 Số vào sổ cấp GCN: CT 50510 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019.	* <u>Thừa đất:</u> - Thừa đất số: 530 - Tờ bản đồ số: 4 - Địa chỉ thừa đất: Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An (nay là xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh) - Diện tích: 377,9 m ² (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy phẩy chín mét vuông). - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng - Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo - Thời hạn sử dụng: 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. * <u>Tài sản gắn liền với đất:</u> -/-
5	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153179 Số vào sổ cấp GCN: CT 69375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023 .	<u>Quyền sử dụng đất:</u> - Thừa đất số: 10748 ; Tờ bản đồ số: 4 . - Địa chỉ : xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. (nay là xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh), - Diện tích : 167 m ² (Bằng chữ : Một trăm sáu mươi bảy mét vuông), - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, - Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ghi chú: Khi chuyển nhượng phải hoàn thành xây dựng nhà ở theo chủ trương đầu tư tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của

		UBND tỉnh (được điều chỉnh tại các Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 09/03/2022, Quyết định số 6861/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của UBND tỉnh). Tài sản gắn liền với đất: -/-
6	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153180 Số vào sổ cấp GCN: CT 69376 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023.	* Thửa đất: - Thửa đất số : 10749 ; Tờ bản đồ số: 4 . - Địa chỉ : xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. (Nay là xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh), - Diện tích : 181 m ² (Bằng chữ : Một trăm tám mươi một mét vuông), - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, - Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. * Tài sản gắn liền với đất: -/-
7	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153181 Số vào sổ cấp GCN: CT69377 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023.	* Thửa đất: - Thửa đất số : 10750 ; Tờ bản đồ số: 4 . - Địa chỉ: xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. (Nay là xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh), - Diện tích : 192 m ² (Bằng chữ : một trăm chín mươi hai mét vuông), - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, - Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26/02/2066 - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. * Tài sản gắn liền với đất: -/-

c) Phương thức bán nợ: Bán nợ không/miễn truy đòi - theo đó bên Bán nợ không cam kết, không bảo đảm khả năng thanh toán của Bên nợ đối với Bên mua nợ; Bên mua nợ không có quyền truy đòi số tiền đã thanh toán cho khoản nợ đã mua.

d) Hiện trạng khoản nợ:

- Tính tới thời điểm ký hợp đồng này, Agribank Chi nhánh 5 không tham gia giải quyết tranh chấp nào liên quan đến Khoản Nợ. (Trường hợp có sự thay đổi về thông tin tranh chấp liên quan đến Khoản Nợ tại thời điểm tài sản được đưa ra đấu giá, Agribank Chi nhánh 5 sẽ cập nhật thông tin cho Công ty đấu giá hợp danh Minh Pháp để cung cấp cho người đăng ký tham gia đấu giá).

- **Ghi chú:** Khoản nợ được bán đấu giá theo nguyên trạng (bao gồm khoản nợ, tình trạng pháp lý kể cả các rủi ro (nếu có) và bán theo hiện trạng thực tế có sao bán vậy. Người tham gia đấu giá khoản nợ có trách nhiệm tự xem xét, tìm hiểu chi tiết các hồ sơ khoản nợ và tự xác định tình trạng của khoản nợ, tài sản đảm bảo... theo hiện trạng thực tế, tự xác định và chịu mọi rủi ro sau khi đã mua khoản nợ.

1.2.2. Hồ sơ Khoản Nợ:

Hồ sơ khoản nợ gồm các tài liệu liên quan đến Khoản Nợ (sau đây được gọi là “**Hồ Sơ Khoản Nợ**”) thuộc hồ sơ tài sản đưa ra đấu giá, bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý của bên nợ, bên bảo đảm;
- Hồ sơ tín dụng;
- Hồ sơ biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm;
- Hồ sơ khác liên quan đến Khoản Nợ.

(Danh mục chi tiết Hồ Sơ Khoản Nợ tại Phụ lục kèm theo Thông báo này. Khi thực hiện bàn giao Hồ Sơ Khoản Nợ cho người mua tài sản đấu giá, Agribank Chi nhánh 5 sẽ

bàn giao theo “hình thức tài liệu” nêu cụ thể tại Phụ lục).

3. Nơi lưu trữ hồ sơ khoản nợ: Agribank Chi nhánh 5, địa chỉ: 1101-1103-1105 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, TP.HCM.

4. Giá khởi điểm: 895.089.691.648 đồng (Bằng chữ: Tám trăm chín mươi lăm tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng). Cụ thể như sau (Giá trị ghi sổ tính đến hết ngày ngày 30/01/2026):

STT	Tên Khách Hàng	Giá trị ghi sổ (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
1	Công ty TNHH ĐT XD và PT Hợp Phát	124.415.778.544	105.540.266.497
2	Công ty TNHH PT Hạ Tầng Trường Sơn	123.608.867.122	104.855.773.878
3	Công ty TNHH PT Simply Living	124.809.379.999	105.874.153.023
4	Công ty TNHH Trường Thành Sài Gòn	102.249.180.027	86.736.632.594
5	Công ty TNHH Đức Lợi	27.421.596.986	23.261.379.505
6	Công ty TNHH Vinson Group	60.114.208.906	50.994.092.172
7	CÔNG TY TNHH EVA DE EVA	72.059.470.888	61.127.100.348
8	Công Ty TNHH Dịch Vụ Sản Xuất Xây Dựng Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Anh	44.180.449.314	37.477.693.658
9	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN JANUS HOLDING	51.449.087.672	43.643.583.709
10	CÔNG TY TNHH KIẾN TẠO NHÀ XANH	125.342.569.315	106.326.450.410
11	Công Ty TNHH Tư Vấn Thương Mại Đầu Tư Phát Triển Hưng Phát	62.803.424.656	53.275.318.408
12	Công Ty TNHH Đầu Tư SNS	74.904.209.589	63.540.254.314
13	CÔNG TY TNHH HONOR SHINE GLOBAL	61.815.168.492	52.436.993.132
TỔNG CỘNG		1.055.173.391.510	895.089.691.648

Giá khởi điểm chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí phát sinh và không bao gồm các chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu/sử dụng tài sản, phí đăng ký và các chi phí khác (nếu có) khi thực hiện mua Khoản Nợ, các chi phí này do người trúng đấu giá chịu. Việc mua, bán Khoản Nợ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

5. Tiền đặt trước, bước giá và tiền hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

- Tiền đặt trước (10%): **89.508.969.165 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, năm trăm lẻ tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

- Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá được chuyển vào tài khoản của Công ty **Đấu giá Hợp danh Minh Pháp**, số tài khoản: **1604201033144** tại Agribank – Chi nhánh **Phú Nhuận**.

- Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá: **1.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một triệu đồng)/01 bộ hồ sơ.

- Bước giá: **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng).

6. Giá trả hợp lệ và giá trả không hợp lệ:

- Giá trả hợp lệ:

• Đối với lần trả giá đầu tiên, người tham gia đấu giá phải trả giá bằng: **Giá khởi điểm hoặc Giá khởi điểm + N* x 100.000.000 đồng.**

PHỤ LỤC: DANH MỤC CHI TIẾT HỒ SƠ KHOẢN NỢ
(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản số 63/26/HĐ-DVĐG ngày 23/03/2026)

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Số lượng	Hình thức tài liệu
I	Hồ sơ pháp lý và hồ sơ tín dụng		
	Khoản nợ thứ nhất		
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309882068 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/11/2024	01	Bản photo
2	CCCD của ông Nguyễn Phong Điền	01	Bản photo
3	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201500517 ngày 21/8/2015	01	Bản chính
4	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201500867 ngày 22/12/2015	01	Bản chính
5	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100800 ngày 29/12/2021	01	Bản chính
6	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100802 ngày 30/6/2021	01	Bản chính
7	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202200482 ngày 29/6/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 2		
8	Giấy Đăng ký Doanh nghiệp: 0309890291, đăng ký lần đầu ngày 02/04/2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04/03/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TpHCM cấp	01	Bản photo
9	CCCD ông Đỗ Giang Sơn	01	Bản photo
10	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200408 ngày 01/6/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 3		
11	Giấy Đăng ký Doanh nghiệp 0314165676 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Tp.HCM cấp	01	Bản photo
12	CCCD Bà Mai Huỳnh Anh Thư	01	Bản photo
13	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200434 ngày 09/6/2022	01	Bản chính
14	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200449 ngày 15/6/2022	01	Bản chính
15	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200467 ngày 24/6/2022	01	Bản chính
16	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200476 ngày 27/6/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 4		
17	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0313103892, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/12/2021; Đăng ký lần đầu ngày 21/01/2015	01	Bản photo
18	CCCD Ông Hồng Minh Kim	01	Bản photo
19	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100769 ngày 23/12/2021	01	Bản chính
20	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100772 ngày 24/12/2021	01	Bản chính
21	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202200253 ngày 13/4/2022	01	Bản chính
22	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202200260 ngày 14/4/2022	01	Bản chính
23	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202200493 ngày 30/6/2022	01	Bản chính

	Khoản nợ thứ 5		
24	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0302482286, đăng ký lần đầu ngày 11/12/2001, thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2025 do Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp	01	Bản photo
25	CCCD Ông Trần Văn Nam	01	Bản photo
26	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200402 ngày 31/5/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 6		
27	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0314006122, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/01/2023; Đăng ký lần đầu ngày 12/9/2016	01	Bản photo
28	CCCD Ông Bùi Xuân Trung	01	Bản photo
29	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100289 ngày 27/4/2021	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 7		
30	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316252772 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/11/2024	01	Bản photo
31	CCCD Ông Nguyễn Lê Khánh An	01	Bản photo
32	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100698 ngày 01/12/2021	01	Bản chính
33	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100702 ngày 02/12/2021	01	Bản chính
34	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100704 ngày 03/12/2021	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 8		
35	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2011, đăng ký lần thay đổi lần 10 ngày 20/7/2021, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	01	Bản photo
36	CCCD Trần Thanh Bi	01	Bản photo
37	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100617 ngày 28/10/2021	01	Bản chính
38	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202100620 ngày 29/10/2021	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 9		
39	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0312571922, đăng ký lần đầu ngày 03/12/2013, đăng ký lần thay đổi lần 23 ngày 02/08/2022, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp	01	Bản photo
40	CCCD Ông Nguyễn Hùng Hoàng	01	Bản photo
41	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200411 ngày 03/6/2022	01	Bản chính
42	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200415 ngày 06/06/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 10		
44	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0311376534 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp lần đầu ngày 29/11/2011	01	Bản photo
45	CCCD Ông Trần Đức Huy	01	Bản photo
46	Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-202100111 ngày 04/02/2021	01	Bản chính
47	Hợp đồng tín dụng số 6222LAV202200483 ngày 29/06/2022	01	Bản chính

48	Hợp đồng tín dụng số 6222LAV202200491 ngày 30/06/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 11		
49	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0313240271, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2022; Đăng ký lần đầu ngày 06/5/2015	01	Bản photo
50	CCCD Ông Trần Thế An	01	Bản photo
51	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200376 ngày 20/5/2022	01	Bản chính
52	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200379 ngày 23/5/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 12		
53	Giấy ĐKDN: 0313747720 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp, đăng kí lần đầu ngày 09/04/2016	01	Bản photo
54	CCCD ông Khương Hữu Tín	01	Bản photo
55	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200469 ký ngày 27/06/2022	01	Bản chính
	Khoản nợ thứ 13		
56	Giấy ĐKDN: 0314849852 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư TpHCM cấp	01	Bản photo
57	CCCD ông Tăng Tiến Dũng	01	Bản photo
58	Hợp đồng tín dụng số: 6222-LAV-202200541 ký ngày 28/7/2022	01	Bản chính
59	Hợp đồng tín dụng số: 6222LAV202200546 ký ngày 02/8/2022	01	Bản chính
II	Hồ sơ tài sản bảo đảm		
	Tài sản bảo đảm của Khoản nợ 1,2,3,4,5		
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 994686, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00060/1a QSDĐ/8921/UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2001, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/8/2015	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở, Hồ sơ gốc số 3032/2000 do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2000, đăng ký thay đổi lần cuối ngày 29/6/2016	01	Bản chính
03	Hợp đồng góp vốn bằng Quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Hoàng Xuân chứng nhận ngày 25/5/2016 theo số công chứng 015654 Quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD	01	Bản chính
04	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201500468 ngày 21/8/2015	01	Bản chính
05	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202200058 ngày 17/02/2022	01	Bản chính
06	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202200422 ngày 30/11/2022	01	Bản chính
07	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202100529/530 ngày 22/12/2021	01	Bản chính
08	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201800265 ngày 15/5/2018	01	Bản chính
	Tài sản bảo đảm của Khoản nợ 6,7,8,9,10,11,12,13		
09	Giấy chứng nhận số DM 582686, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CT09505 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/3/2024	01	Bản chính
10	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202100259 ngày 27/4/2021	01	Bản chính
11	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202000212 ngày 25/5/2020	01	Bản chính

12	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202000225 ngày 04/6/2020	01	Bản chính
13	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202000229 ngày 09/6/2020	01	Bản chính
14	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202100096 ngày 04/02/2021	01	Bản chính
15	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202200230 ngày 27/06/2022	01	Bản chính
16	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP-202000200/201 ký ngày 19/5/2020	01	Bản chính
17	Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6222-LCP- 202200283 ký ngày 28/07/2022	01	Bản chính
	Tài sản bảo cho Khoản nợ thứ 12		
18	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 005435 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 52022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 24/09/2019	01	Bản chính
19	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850363 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 50509 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019	01	Bản chính
20	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850361 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 50511 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019.	01	Bản chính
21	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850362 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 50510 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2019	01	Bản chính
22	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153179 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 69375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023	01	Bản chính
23	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153180 Sổ vào sổ cấp GCN: CT 69376 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023	01	Bản chính
24	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DI 153181 Sổ vào sổ cấp GCN: CT69377 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 06/04/2023	01	Bản chính
25	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202300310-311 ký ngày 16/08/2023	01	Bản chính
26	Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-202500278-279 ký ngày 22/10/2025	01	Bản chính

Ghi chú: Khi thực hiện bàn giao Hồ Sơ Khoản Nợ cho người mua tài sản đấu giá, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 5 sẽ bàn giao theo “hình thức tài liệu” nêu cụ thể tại Phụ lục này.